

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC HUẾ**



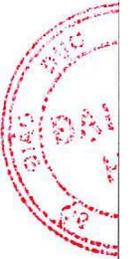
**ĐỀ ÁN**

**SÁP NHẬP VIỆN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
VÀO VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC,  
ĐẠI HỌC HUẾ**

**Huế, tháng 8/2021**

## MỤC LỤC

	Trang
MỤC LỤC .....	1
Phần 1. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ .....	2
I. Sự cần thiết .....	2
II. Căn cứ pháp lý .....	3
Phần 2. THỰC TRẠNG CỦA VIỆN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ .....	5
I. Thực trạng của Viện Tài nguyên và Môi trường .....	5
II. Thực trạng của Viện Công nghệ sinh học .....	11
Phần 3. VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC SAU KHI SÁP NHẬP .....	23
I. Mục tiêu và nguyên tắc sáp nhập .....	23
II. Tên gọi, vị trí, trụ sở làm việc.....	23
III. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi.....	24
IV. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn.....	24
V. Cơ cấu tổ chức và nhân sự.....	25
VI. Tài sản, tài chính .....	26
Phần 4. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	29
I. Đánh giá tác động .....	29
II. Tổ chức thực hiện .....	31
Phần 5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....	33
PHỤ LỤC .....	34



## Phần 1

### SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ

#### I. Sự cần thiết

Ngày 14/5/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 523/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế đã xác định mục tiêu tổng quát là phát triển Viện thành một trung tâm công nghệ sinh học cấp quốc gia tại miền Trung có cơ sở vật chất hiện đại, đồng bộ, nhân lực đủ khả năng tiếp thu, làm chủ, tiến tới sáng tạo các công nghệ nền của công nghệ sinh học, có khả năng giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội. Để hiện thực hóa mục tiêu này cần phải thực hiện đồng bộ, quyết liệt nhiều nhiệm vụ và giải pháp khác nhau.

Viện Công nghệ sinh học và Viện Tài nguyên và Môi trường từ khi được chia tách để trở thành các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc Đại học Huế đến nay đã đạt nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực, góp phần vào sự ổn định và phát triển của Đại học Huế. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, sự phát triển của các đơn vị chưa đáp ứng được kỳ vọng của Đại học Huế và xã hội. Hiệu quả đạt được của các nhiệm vụ, chương trình nghiên cứu chưa cao, tổng nguồn thu hằng năm còn thấp (dưới 15 tỷ đồng), đội ngũ viên chức, các nhà nghiên cứu còn mỏng, cơ sở vật chất bị xuống cấp. Đây là những thách thức không nhỏ đối với sự phát triển của các đơn vị trong thời gian tới. Trong bối cảnh đó, việc sáp nhập Viện Tài nguyên và Môi trường vào Viện Công nghệ sinh học được đặt ra một cách cấp thiết.

Thứ nhất, việc sáp nhập Viện Tài nguyên và Môi trường vào Viện Công nghệ sinh học góp phần thực hiện thành công Kế hoạch số 26-KH/ĐU ngày 27/4/2018 của Đảng ủy Đại học Huế về thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW và Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (khóa XII) và Đề án tái cấu trúc Đại học Huế giai đoạn 2019 – 2021 với mục tiêu giảm đầu mối, giảm đáng kể số lượng các phòng chức năng, giảm đội ngũ viên chức quản lý, tiến tới thực hiện tinh giảm biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức và hiệu quả công tác quản lý, hướng đến tự chủ của đơn vị.

Thứ hai, tiến hành sáp nhập sẽ góp phần giải quyết một số khó khăn, vướng mắc hiện nay ở các Viện, phát huy được mối quan hệ hữu cơ, hỗ trợ lẫn nhau giữa các đơn vị trong thực thi công việc.

Thứ ba, sáp nhập Viện Tài nguyên và Môi trường vào Viện Công nghệ sinh học nhằm sử dụng có hiệu quả tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị và

12/05/2018

nguồn nhân lực hiện có của các đơn vị. Hơn nữa, với những chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động mới của Viện Công nghệ sinh học sẽ mở ra khả năng và triển vọng phát triển trong tương lai của đơn vị, phù hợp với xu thế phát triển các phương thức đào tạo trong nước và thế giới.

Từ những phân tích trên đây, có thể khẳng định việc sáp nhập Viện Tài nguyên và Môi trường vào Viện Công nghệ sinh học là cần thiết, phù hợp với chủ trương của Trung ương Đảng, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế; chủ trương tái cấu trúc Đại học Huế của Đảng ủy, Hội đồng đại học và Ban Giám đốc Đại học Huế.

## **II. Căn cứ pháp lý**

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Luật Giáo dục đại học năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018.

- Nghị định số 30/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế.

- Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế.

- Quyết định số 1233/QĐ-BGDĐT ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII.

- Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên.

- Kế hoạch số 26-KH/ĐU ngày 27/4/2018 của Đảng ủy Đại học Huế thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII.

- Quyết định số 20/QĐ-HĐĐH ngày 31/7/2020 của Hội đồng Đại học Huế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế và Quyết định số 07/QĐ-HĐĐH ngày 19/01/2021 của Hội đồng Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế.

- Quyết định số 808/QĐ-ĐHH ngày 29/4/2014 của Giám đốc Đại học Huế về việc thành lập Viện Công nghệ sinh học Đại học Huế.



- Quyết định số 808/QĐ-ĐHH ngày 02/8/2017 của Giám đốc Đại học Huế về việc tái cấu trúc Trung tâm Ươm tạo và Chuyển giao công nghệ - Đại học Huế và Viện Công nghệ sinh học - Đại học Huế thành Viện Công nghệ sinh học - Đại học Huế và Quyết định số 808a/QĐ-ĐHH ngày 02/8/2017 về việc điều chỉnh Quyết định số 808/QĐ-ĐHH ngày 02/8/2017 của Giám đốc Đại học Huế về việc tái cấu trúc Trung tâm Ươm tạo và Chuyển giao công nghệ - Đại học Huế và Viện Công nghệ sinh học - Đại học Huế thành Viện Công nghệ sinh học - Đại học Huế.

- Quyết định số 939/QĐ-ĐHH ngày 16/7/2018 của Giám đốc Đại học Huế về việc tổ chức lại Viện Công nghệ sinh học từ đơn vị trực thuộc thành đơn vị thành viên của Đại học Huế.

- Kết luận số 30-KL/ĐU ngày 21/5/2021 của Ban Thường vụ Đảng ủy Đại học Huế tại phiên họp ngày 20/5/2021.

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

## Phần 2

# THỰC TRẠNG CỦA VIỆN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ

## I. Thực trạng của Viện Tài nguyên và Môi trường

### 1. Vị trí

Viện Tài nguyên và Môi trường (tên viết tắt IREN), tiền thân là Trung Tâm Tài nguyên, Môi trường và Công nghệ Sinh học, được thành lập theo quyết định số 3283/GD-ĐT ngày 13/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo; là đơn vị nghiên cứu trực thuộc Đại học Huế. Chức năng của Trung tâm được xác định nghiên cứu phát triển các hoạt động khoa học công nghệ theo giấy phép đăng ký hoạt động khoa học công nghệ số 445 ký ngày 17/01/1996 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Sau quá trình phát triển, Trung tâm đã được chuyển đổi thành Viện Tài nguyên, Môi trường và Công nghệ Sinh học theo quyết định 1080/QĐ-ĐHH-TCNS của Giám đốc Đại học Huế ký ngày 14/11/2007. Đến ngày 13/5/2013, Viện tách riêng Bộ môn Công nghệ Sinh học và được đổi tên chính thức thành Viện Tài nguyên và Môi trường theo quyết định 783/QĐ-ĐHH của Giám đốc Đại học Huế.

Viện Tài nguyên và Môi trường có trụ sở tại: 07 đường Hà Nội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Điện thoại/Fax: (+84) 234 3820 438. Hộp thư điện tử: [iren@hueuni.edu.vn](mailto:iren@hueuni.edu.vn), trang thông tin điện tử: <http://iren.hueuni.edu.vn>

### 2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

#### a) Chức năng

Viện Tài nguyên và Môi trường thực hiện chức năng nghiên cứu, đào tạo và cung ứng những dịch vụ tư vấn chất lượng cao đối với các lĩnh vực bảo tồn tài nguyên, quản lý môi trường và biến đổi khí hậu.

#### b) Nhiệm vụ và quyền hạn

- Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực tài nguyên và môi trường vào sản xuất và đời sống.

- Tư vấn xây dựng, phối hợp thẩm định các dự án trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Hợp tác nghiên cứu khoa học, liên kết, đầu tư thử nghiệm, phát triển kỹ thuật, dịch vụ khoa học và công nghệ môi trường.

- Đào tạo tiến sĩ và tham gia đào tạo đại học và sau đại học chuyên ngành Tài nguyên và Môi trường và các chuyên ngành liên quan theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Huế và của pháp luật.



- Tổ chức các hoạt động tập huấn, đào tạo ngắn hạn trong các chuyên ngành thuộc chức năng của Viện theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý trang thông tin điện tử của Viện và thực hiện công tác thông tin theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, sản xuất, kinh doanh trong phạm vi chức năng được giao và theo quy định của pháp luật.

- Quản lý viên chức, người lao động và tài sản của Viện theo phân cấp của Đại học Huế và theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đại học Huế giao.

### **3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự**

#### **a) Cơ cấu tổ chức**

- Viện trưởng
- Phòng Tổ chức - Hành chính
- Bộ môn Quản lý môi trường và Biến đổi khí hậu
- Bộ môn Công nghệ môi trường
- Bộ môn Tin học môi trường
- Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường

#### **b) Nhân sự**

Viện gồm có 22 người, trong đó có 10 viên chức và 12 lao động hợp đồng (trong đó có 02 lao động hợp đồng thời vụ), danh sách cụ thể tại *Phụ lục 1*.

### **4. Lĩnh vực và cơ chế hoạt động**

#### **a) Cơ chế hoạt động**

- Viện hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, Viện có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Viện Tài nguyên và Môi trường hoạt động theo Quyết định số 20/QĐ-HĐĐH ngày 31/7/2020 của Hội đồng Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế và Quyết định số 07/QĐ-HĐĐH ngày 19/01/2021 của Hội đồng Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế; Quyết định số 1080/QĐ-ĐHH ngày 08/9/2015 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Tài nguyên và Môi trường.

#### **b) Lĩnh vực hoạt động**

- Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực tài nguyên và môi trường vào sản xuất và đời sống

- Tư vấn xây dựng, phối hợp thẩm định các dự án trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường

- Hợp tác nghiên cứu khoa học, liên kết, đầu tư thử nghiệm, phát triển kỹ thuật, dịch vụ khoa học và công nghệ môi trường

- Thực hiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, sản xuất, kinh doanh trong phạm vi chức năng được giao và theo quy định của pháp luật.

## **5. Đất đai, cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị làm việc**

### **a) Đất đai, cơ sở vật chất**

Viện hiện có trụ sở đóng tại: Số 07, đường Hà Nội, thành phố Huế, được Đại học Huế giao quản lý và sử dụng từ năm 2007. Hiện tòa nhà 07 Hà Nội gồm có 5 tầng với tổng diện tích sử dụng sàn sử dụng là 2490 m<sup>2</sup>, là nơi làm việc của 2 đơn vị: Viện Tài nguyên và Môi trường (gồm các phòng làm việc của Ban lãnh đạo Viện, Văn phòng, các phòng Tổ chức - Hành chính, phòng làm việc 3 bộ môn môi trường, 3 phòng thí nghiệm môi trường (T2&3), 1 hội trường, 1 phòng họp, 2 phòng hội thảo nhỏ (T5)) và Nhà Xuất bản – Đại học Huế (sử dụng ½ khu vực tầng 4). Ngoài ra ở tầng trệt có các kho chứa vật dụng, kho chứa sách của nhà xuất bản, kho chứa máy bơm chữa cháy, phòng bảo vệ.

### **b) Phương tiện, trang thiết bị làm việc**

Trang thiết bị, máy móc của Viện được trang cấp hầu hết từ năm 2006 nên phần lớn đã cũ, hết thời hạn khấu hao thiết bị và lạc hậu. Nhiều máy móc thiết bị của phòng thí nghiệm đã hết hạn sử dụng, hỏng và sửa chữa nhiều lần. Với hiện trạng thiết bị đã nêu, hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ còn thấp do không cập nhật được công nghệ đánh giá, giám sát, quan trắc môi trường theo nhu cầu xã hội hiện nay. Vì vậy, trong tình trạng hiện tại, cơ sở vật chất trang thiết bị của Viện chưa đáp ứng được so với quy mô và nhu cầu nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học cũng như thực hiện các nhiệm vụ dịch vụ quan trắc môi trường hiện tại của các địa phương khu vực miền Trung và cả nước.

Viện có 03 phòng thí nghiệm (PTN) môi trường với nhiều thiết bị thí nghiệm và phân tích. Đã được Bộ KH&CN cấp Giấy chứng nhận PTN đạt chuẩn VILAS trong năm 2012. Năm 2018, được Bộ Giáo dục và đào tạo đầu tư thêm một số MMTB nâng cấp PTN (trên 5 tỷ đồng). Hiện nay, Viện đang phấn đấu hoàn thiện hồ sơ chứng nhận PTN theo Nghị định 127 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và chứng nhận VILAS mới. Viện đang sử dụng 07 phòng làm việc, 03 phòng thí nghiệm, 02 phòng hội thảo và 02 phòng học.

Thiết bị văn phòng phần lớn được đầu tư từ năm 2007 trở về trước, đến nay, đã quá cũ và nhiều thiết bị hư hỏng. Các năm gần đây, với nguồn kinh phí

tự có không nhiều, đơn vị chỉ thay thế những trang thiết bị khi thật sự cần thiết và không thể sử dụng được, đảm bảo nhu cầu làm việc tối thiểu cho các đơn vị và cán bộ Viện. Tuy nhiên, với cơ chế tài chính tự trang trải nên trong những năm qua việc đầu tư trang thiết bị phục vụ cho công tác chuyên môn còn hạn chế.

## **6. Tình hình hoạt động**

Trong giai đoạn trước năm 2017, hướng nghiên cứu và nguồn kinh phí ngân sách của đơn vị (khi đang còn chung và sau khi chia tách Viện) phụ thuộc vào số lượng đề tài NCKH các cấp. Số lượng đề tài NCKH hàng năm lại phụ thuộc vào khả năng thắng thầu, ảnh hưởng bởi sự cạnh tranh trên thị trường KH-CN nên không nhiều và không ổn định. Nguồn kinh phí cho hoạt động sụt giảm đáng kể.

Những năm đầu của nhiệm kỳ 2016-2021, Viện đối mặt với thiếu hụt nguồn thu thậm chí phải tạm ứng kinh phí của Đại học Huế để trang trải. Tuy nhiên, từ năm 2018 Viện Tài nguyên và Môi trường đã mở thêm các hướng nghiên cứu và tìm kiếm nguồn thu ngoài các nguồn thu truyền thống với 2 dự án hợp tác quốc tế để tạo thành 2 mũi nhọn quan trọng của khoa học quản lý tài nguyên: Forest Transition với Đại học Lausanne (Thụy Sĩ) và sau đó là Dự án Phục hồi hệ sinh thái vùng cát và ngập mặn ven biển Bắc miền Trung. Với 2 nhóm đề tài này đã tạo được nguồn thu đáng kể và hơn hết là đã nâng cao năng lực cán bộ nghiên cứu. Đã dần đào tạo được đội ngũ chuyên gia cấp quốc gia về 2 lĩnh vực Chuyên tiếp rừng và Tái phục hồi hệ sinh thái. Với kết quả này, Viện Tài nguyên và Môi trường đã và đang là đối tác quan trọng về đào tạo và chuyển giao công nghệ cho các dự án về Biến đổi khí hậu, Tái phục hồi hệ sinh thái, FSC, PEFC, SFM, định hướng sản phẩm cho EVFTA. Đặc biệt, chỉ riêng nhánh SFM cho EVFTA, Viện đã tạo được outcome từ dự án cũ để thiết lập được nghiên cứu tiếp theo Work-For-Wood để kết nối được doanh nghiệp, cụ thể: tập đoàn Minh Thành (Minhthanhcompany.ltd); Liên minh hợp tác xã Quốc gia và khu vực miền trung và các nhà khoa học để xác lập quy trình Gõ hợp pháp (FLEGT) phù hợp với Hiệp định EVFTA.

Bên cạnh đó, các mũi nhọn khác đã được công nhận là: Nghiên cứu và đánh giá nước mặt cấp địa phương và cấp tỉnh (Cả nước chỉ có 2 đơn vị thực hiện được là Viện Tài nguyên và Môi trường – Đại học Huế và Viện Khoa học Tài nguyên nước, Hà Nội). Đây là nhóm chuyên gia nghiên cứu sâu và có độ chính xác cao có thể thực hiện cho các địa phương trong cả nước. Hình thành nhóm nghiên cứu chuyên sâu về rác thải ở cả 2 môi trường là: rác trên cạn và rác dưới nước, bước đầu đã xây dựng các ý tưởng, tham gia đấu thầu một số dự án.

Như vậy, hoạt động của Viện từ sau năm 2018 đã có bước tiến triển mạnh và được nhiều địa phương là các tỉnh miền Trung và Tây nguyên ghi nhận và đặc biệt chỉ định xây dựng và thực hiện đề án theo nguồn ngân sách địa phương ở các tỉnh: Bình Thuận, Phú Yên, Quảng Ngãi, Quảng Nam.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của Viện Tài nguyên và Môi trường đã có sự chuyển dịch trong 3 năm gần đây. Đã phát triển thêm các hướng mới như: xây dựng và triển khai tổ chức cơ sở dữ liệu lớn (Big data) về dữ liệu tài nguyên và môi trường theo hệ thống liên tục và tổ chức chuỗi để làm cơ sở cho thực hiện học máy (Machine learner-ML), từ kết quả học máy để chuyển dữ liệu cho trí tuệ nhân tạo là AI để lập được dự báo. Nguồn dữ liệu cập nhật theo hệ app android mới nhất thông qua server tại viện. Nhờ hệ thống này mà Viện đã xử lý được các quản lý tài nguyên và được mời thực hiện thành công tại hệ thống các Vườn Quốc Gia (Cát Tiên, Thần Sa Phước Hoàng ...), Vườn Di sản ASEAN (KonKaKinh và ChưMomRay); xây dựng hệ thống thông minh và tối ưu hóa sử dụng đất thông qua dữ liệu nông hóa tại huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Hiện nay, nhóm nghiên cứu của Viện đã thành lập được mũi nhọn chuyên gia về số hóa dữ liệu lớn tài nguyên gồm: đất, nước, khí và đa dạng sinh học để đáp ứng được các nhiệm vụ của các địa phương.

Song song với nghiên cứu khoa học, Viện đã ký kết và trở thành đối tác quan trọng của nhiều đơn vị theo hướng đối tác lành mạnh chuyên sâu giải quyết các vấn đề khu vực. Cụ thể với BMU, BMZ và BMBF, IKI Deutschland của CHLB Đức thông qua nhiều dự án liên tục kế tiếp nhau như SFM, CFR, FMCR, Bio\_GIZ; mở rộng liên kết với đại học Helsinki để từ đó kết nối với hệ thống các trường đại học của Phần Lan thông qua ERASMUS/IKI Findland để nâng cao năng lực cho các khoa của 3 trường ĐHKH, ĐHNL và ĐHSP về biến đổi khí hậu. Đặc biệt là đối tác chính xây dựng giao thức MOOC chia sẻ nguồn bài giảng online của các trường trên thế giới trong hệ thống về các lĩnh vực Quản lý tài nguyên thiên nhiên ứng phó với biến đổi khí hậu.

*Phụ lục 2.* Danh sách đề tài khoa học công nghệ các cấp; các chương trình, dự án hợp tác trong nước và quốc tế của viện tài nguyên và môi trường đang thực hiện.

## **7. Đánh giá kết quả hoạt động**

Viện Tài nguyên và Môi trường đã trải qua 26 năm hình thành và phát triển, với 3 giai đoạn: khởi đầu từ Trung tâm Tài nguyên, Môi trường và Công nghệ sinh học (1995); phát triển thành Viện Tài nguyên, Môi trường và Công nghệ sinh học (2007), đổi tên thành Viện Tài nguyên và Môi trường Đại học Huế (2013). Sự thay đổi về tổ chức qua các giai đoạn nhằm đáp ứng yêu cầu

thực tiễn của hoạt động nghiên cứu trong toàn Đại học Huế mà bước ngoặt quan trọng, được lãnh đạo Đại học Huế nhận thấy từ năm 2013 là cần phải xây dựng tầm nhìn quốc gia mang tính hệ thống về Công nghệ sinh học. Việc chia tách thành 2 Viện nghiên cứu độc lập là điều tất yếu. Minh chứng là sự thành công đáng kể khi Viện Công nghệ sinh học trở thành Viện nghiên cứu cấp vùng/quốc gia, Viện Tài nguyên và Môi trường - Đại học Huế để trở thành đơn vị thực hành, thực tập cho các khoa chuyên ngành Sinh (ĐHSP), Môi trường, Sinh và Địa lý địa chất (ĐHKH), Lâm nghiệp và Nông học (ĐHNL) đào tạo sinh viên có chất lượng xứng đáng với Đại học nghiên cứu là Đại học Huế.

Trong giai đoạn trước năm 2017, hướng nghiên cứu và nguồn kinh phí ngân sách của đơn vị phụ thuộc vào số lượng đề tài NCKH các cấp. Số lượng đề tài NCKH hàng năm lại phụ thuộc vào khả năng thắng thầu, ảnh hưởng bởi sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường KHCN nên không nhiều và không ổn định. Nguồn kinh phí cho hoạt động sụt giảm đáng kể. Những năm đầu của nhiệm kỳ 2016-2021, Viện đối mặt với thiếu hụt nguồn thu thậm chí phải tạm ứng kinh phí của Đại học Huế để trang trải.

Với sự nỗ lực và cố gắng của lãnh đạo và toàn thể viên chức, lao động đơn vị, từ năm 2018, hoạt động của Viện đã phục hồi và đang có xu hướng phát triển cùng với số lượng dự án, đề tài được các đơn vị trong Viện ký kết được và thực hiện ngày càng nhiều hơn.

Về nguồn thu: Năm 2017 là năm khó khăn của đơn vị. Tuy nhiên, bước sang năm 2018, cùng với sự khởi sắc trong trong hoạt động chuyên môn, nguồn thu tăng đáng kể và không còn nợ. Năm 2019, Viện đã có doanh thu từ hoạt động KHCN hơn 11 tỷ đồng, Năm 2020, tuy ảnh hưởng do dịch Covid 19, nhưng doanh thu hoạt động của Viện đạt gần 8 tỷ đồng. Với nguồn lực cán bộ và nghiên cứu viên không đông đảo chỉ có 19 người (năm 2019) thì đây là một nỗ lực lớn để hoàn thành việc thực hiện nghiên cứu khoa học, nhiệm vụ khoa học công nghệ cho Đại học Huế và cho địa bàn 14 tỉnh duyên hải miền Trung và 4 tỉnh Tây nguyên.

Viện đã trích quỹ dự phòng năm 2019 là 1,9 đồng tỷ và năm 2020 là 1,5 tỷ đồng. Trong năm 2021, Viện đã tiếp tục gia hạn với BMU dự án CFR thêm 2 năm, duy trì ERASMUS và chuẩn bị ERASMUS thứ 2 trong năm nay với đại học Wageningen (NL). Đã ký xong vị trí Service provider (là đơn vị người Việt duy nhất hiện nay thực hiện) giám sát nguồn vốn của KfW và ACB cho hệ thống các vườn di sản Asean ở Việt Nam (AHP). Vì vậy, việc duy trì nguồn thu và hoạt động khoa học trong năm 2021 và các năm tới sẽ hoàn toàn ổn định, mức trích lập quỹ như đã thử nghiệm trong 2 năm 2019 và năm 2020 sẽ là cơ sở cho



việc sáp nhập và hình thành mô hình hoạt động mới là đơn vị Viện nghiên cứu tự chủ trực thuộc Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế.

Tình hình tài chính của Viện giai đoạn 2018 - 2020

TT	Nội dung	Tổng số	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
<b>I</b>	<b>Tổng thu sự nghiệp, hoạt động SXKD dịch vụ, khác</b>	<b>23.592</b>	<b>3.333</b>	<b>12.975</b>	<b>7.284</b>
1	Thu phí, lệ phí được để lại				
2	Thu hoạt động SXKD dịch vụ, khác	23.592	3.333	12.975	7.284
<b>II</b>	<b>Ngân sách nhà nước cấp</b>	<b>2.237</b>	<b>851</b>	<b>521</b>	<b>865</b>
1	Dự toán chi thường xuyên	2.237	851	521	865
2	Dự toán chi không thường xuyên				
<b>III</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>25.829</b>	<b>4.184</b>	<b>13.496</b>	<b>8.149</b>

## II. THỰC TRẠNG CỦA VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC

### 1. Vị trí

Viện Công nghệ sinh học được thành lập theo Quyết định số 808/QĐ-ĐHH ngày 29/4/2014 của Giám đốc Đại học Huế và được tái cấu trúc theo Quyết định số 808/QĐ-ĐHH ngày 02/8/2017 của Giám đốc Đại học Huế. Ngày 14/5/2018, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 523/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế. Ngày 16/7/2018, Giám đốc Đại học Huế đã ban hành Quyết định số 939/QĐ-ĐHH tổ chức lại Viện Công nghệ sinh học từ đơn vị trực thuộc thành đơn vị thành viên của Đại học Huế.

- Tên tiếng Việt: Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế
- Tên tiếng Anh: Institute of Biotechnology, Hue University (viết tắt: HUIB)
- Trụ sở tại Tỉnh lộ 10, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

### 2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

#### a) Chức năng

Nghiên cứu khoa học cơ bản và ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ sinh học, phát triển các công nghệ nền và ứng dụng công nghệ nền để tạo ra các sản phẩm khoa học có giá trị đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội; ươm tạo và chuyển giao công nghệ; thực hiện, cung ứng các dịch vụ khoa học và công nghệ theo nhu cầu của xã hội; thương mại hóa sản phẩm; đào tạo và liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ về sinh học, công nghệ sinh học và các lĩnh vực liên quan với các

đơn vị trong và ngoài Đại học Huế để cung cấp nguồn nhân lực công nghệ cao cho xã hội.

**b) Nhiệm vụ và quyền hạn**

- Nghiên cứu khoa học

+ Tham gia tuyển chọn, chủ trì thực hiện các đề tài, dự án, chương trình khoa học và công nghệ các cấp trong lĩnh vực công nghệ sinh học và các lĩnh vực có liên quan;

+ Tổ chức nghiên cứu cơ bản và ứng dụng về khoa học sự sống, công nghệ nguồn; nghiên cứu ứng dụng công nghệ nguồn, công nghệ gen và tế bào, protein/enzyme, vi sinh, hóa sinh,... trong y dược, sinh học biển, nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến và môi trường;

+ Phân tích, thử nghiệm và đánh giá an toàn sinh học, sản phẩm hàng hóa đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen;

+ Khai thác và phát triển nguồn gen quý hiếm động và thực vật vào phát triển nông - lâm - ngư nghiệp và dược liệu;

+ Phát triển công nghệ sinh học gắn với công nghệ vật liệu mới và công nghệ thông tin để hướng đến tự động hóa các mô hình sản xuất công nghệ cao ứng dụng vào nông nghiệp, công nghiệp chế biến và bảo vệ môi trường.

- Ươm tạo và chuyển giao công nghệ

+ Ươm tạo các công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm khoa học phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội; ươm tạo doanh nghiệp;

+ Xây dựng và chuyển giao các mô hình công nghệ sinh học tiên tiến ở miền Trung và cả nước;

+ Tổ chức chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ các mô hình công nghệ cao trong thủy sản, chế biến nông sản, nông nghiệp và công nghệ thực phẩm cho các đơn vị sản xuất thuộc các thành phần kinh tế khác nhau.

- Thương mại hóa

+ Liên kết với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tổ chức sản xuất thử kết quả các đề tài nghiên cứu có khả năng thương mại hóa, cung cấp các sản phẩm khoa học cho thị trường thông qua doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

+ Ký kết các hợp đồng nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ với các đơn vị, cơ sở sản xuất của xã hội.

- Cung cấp, hỗ trợ các dịch vụ tư vấn

+ Hỗ trợ về chính sách, tạo lập hành lang pháp lý, cơ chế phù hợp, cung cấp tư liệu và thông tin về thị trường công nghệ nhằm tạo điều kiện cho vườn ươm và các doanh nghiệp khoa học công nghệ phát triển bền vững, hoạt động thuận lợi, có hiệu quả;

+ Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật: Tư vấn khảo sát, thiết kế, xây lắp các thiết bị và hệ thống kỹ thuật;

+ Hỗ trợ các đơn vị thành viên của Đại học Huế thực hiện chuyển giao và thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu khoa học;

+ Cung cấp dịch vụ hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho cá nhân và tổ chức của Đại học Huế và cho các đơn vị khác có nhu cầu.

- Hoạt động đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

+ Tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ, tham gia đào tạo trình độ đại học và sau đại học chuyên ngành Sinh học, Công nghệ sinh học và các chuyên ngành liên quan;

+ Tổ chức các hoạt động đào tạo ngắn hạn, tập huấn, bồi dưỡng theo nhu cầu của xã hội, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, giới thiệu triển lãm các công nghệ mới;

+ Hợp tác với các trường đại học, viện và trung tâm nghiên cứu trong và ngoài nước để nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực chất lượng cao.

- Cung cấp các dịch vụ khoa học công nghệ

+ Xây dựng Trung tâm dịch vụ khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ sinh học làm nòng cốt cho khu vực miền Trung; tổ chức dịch vụ ươm tạo, chuyển giao;

+ Cung cấp các dịch vụ khoa học công nghệ, khai thác và sử dụng tài nguyên, nguồn lực cho phát triển kinh tế xã hội; các dự án, chương trình liên kết, sản xuất thử nghiệm, phát triển kỹ thuật, dịch vụ; chuyển giao và tiếp nhận công nghệ từ các đơn vị trong và ngoài nước, tiếp nhận các dự án hợp tác quốc tế; thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung ứng dịch vụ theo yêu cầu của xã hội.

+ Xây dựng và phát triển các quỹ nghiên cứu khoa học và công nghệ trên cơ sở các chính sách và chủ trương của Nhà nước và địa phương về phát triển khoa học công nghệ, đồng thời tham mưu cho các tổ chức và cá nhân vay vốn nghiên cứu khoa học.

- Tổ chức bộ máy, tuyển dụng, quản lý, xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của viên chức, người lao động.

- Quyết định mời, ký kết hợp đồng với chuyên gia, các nhà khoa học trong và ngoài nước.

- Quản lý, đảm bảo quyền và lợi ích của người học.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực; xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị theo phân cấp của Đại học Huế.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Đại học Huế giao theo quy định của pháp luật.

### **3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự**

#### **a) Cơ cấu tổ chức**

- Viện trưởng và 01 Phó Viện trưởng;
- Hội đồng Khoa học và Đào tạo;
- 02 phòng chức năng (Phòng Tổ chức – Hành chính và phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế);
- 01 Bộ môn chuyên môn (Bộ môn Sinh học và Công nghệ sinh học ứng dụng);
- 05 Phòng thí nghiệm (Phòng thí nghiệm Công nghệ Gen; Phòng thí nghiệm Vi sinh vật học và Công nghệ lên men; Phòng thí nghiệm Tế bào; Phòng thí nghiệm Miễn dịch học và vaccine; Phòng thí nghiệm Công nghệ enzyme và protein);
- + 02 Trung tâm trực thuộc (Trung tâm Chăm sóc và Chữa trị vật nuôi; Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng kỹ thuật Y Sinh tiên tiến).

#### **b) Nhân sự**

Viện Công nghệ sinh học có 31 người, trong đó có 15 viên chức và 16 lao động hợp đồng, danh sách cụ thể tại *Phụ lục 2*; về trình độ chuyên môn, có: 01 PGS.TS, 08 Tiến sĩ, 11 Thạc sĩ, 08 Đại học và 03 lao động phổ thông; có đội ngũ cán bộ bán cơ hữu gồm 159 nhà khoa học là các GS, PGS, TS là các giảng viên, cán bộ nghiên cứu của các đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học Huế.

### **4. Lĩnh vực và cơ chế hoạt động**

#### **a) Lĩnh vực hoạt động**

Hiện nay lĩnh vực hoạt động NCKH của Viện tập trung phát triển theo 3 hướng sau:

- *Công nghệ sinh học ứng dụng trong chăn nuôi thú y và y dược, cụ thể:*
- + Nghiên cứu sản xuất kit chẩn đoán các bệnh di truyền và bệnh truyền nhiễm.
- + Phát triển mô hình vaccine thế hệ mới, chú ý các vaccine từ tổ hợp gen và vi rút thuần.

+ Nghiên cứu sản xuất các hoạt chất sinh học thông qua chiết xuất và thử nghiệm đối với các bệnh nan y hiện nay, đồng thời phát huy tiềm năng của cây thuốc Việt Nam.

+ Phối hợp nghiên cứu tế bào gốc để từng bước áp dụng vào công nghệ y sinh hiện đại, nghiên cứu chuyển gen và đánh dấu gen để ứng dụng vào việc khống chế các bệnh nan y hiện nay chưa có thuốc điều trị.

+ Phối hợp nghiên cứu các chất dẫn dụ, có hoạt chất sinh học hay được hoạt hóa để ứng dụng trong việc phòng và chữa bệnh.

- *Công nghệ sinh học nông lâm ngư nghiệp*

+ Nghiên cứu các cây trồng biến đổi gen để cải thiện khả năng chống chịu với điều kiện bất lợi của ngoại cảnh như hạn và mặn, kháng bệnh.

+ Bảo tồn và nhân giống các nguồn gen động - thực vật quý hiếm và có giá trị dược liệu, giá trị sinh cảnh cao.

+ Phát triển và khai thác các nguồn gen động thực vật ven biển miền Trung.

- *Công nghệ sinh học môi trường và đa dạng sinh học*

+ Xây dựng quy trình xử lý nước thải tại các cơ sở y tế, cơ sở chăn nuôi và làng nghề truyền thống. Đồng thời nghiên cứu các quy trình xử lý rác bằng công nghệ vi sinh để tái sử dụng rác thải nông thôn và thành thị.

+ Nghiên cứu bảo tồn và phát triển nguồn gen động - thực vật quý hiếm hoặc có giá trị trong đời sống.

- *Đào tạo trình độ tiến sĩ*

+ Ngành Sinh học, mã số: 9420101 (theo Quyết định số 1341/QĐ-ĐHH ngày 15/10/2018 của Giám đốc Đại học Huế).

+ Ngành Nông nghiệp hữu cơ, mã số: 9620125 (theo Quyết định số 173/QĐ-ĐHH ngày 11/02/2020 của Giám đốc Đại học Huế).

### ***b) Cơ chế hoạt động***

Viện là đơn vị thành viên của Đại học Huế, là đơn vị dự toán cấp 3, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên theo Quyết định số 2466/QĐ-BGDĐT ngày 27/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo. Hiện nay, Viện đang xây dựng phương án tự chủ theo quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-BKHHCN ngày 12/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học công nghệ công lập trình Bộ Giáo dục và Đào tạo có ý kiến và trình Giám đốc Đại học Huế phê duyệt.

### **5. Đất đai, cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị làm việc**

Viện Công nghệ sinh học hiện nay nằm trên khu đất rộng 38.810 m<sup>2</sup> tại xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, trong đó có tòa nhà làm việc ba tầng được bàn giao đưa vào sử dụng năm 2013 (diện tích sàn 2.350 m<sup>2</sup>) với 18 phòng thí nghiệm phục vụ nghiên cứu, 07 phòng làm việc thuộc khối hành chính và vườn thực nghiệm, nhà lưới (diện tích 400 m<sup>2</sup>), khu sản xuất chế phẩm sinh học (diện tích 1.000 m<sup>2</sup> bao gồm khu tập kết nguyên liệu, khu ủ, khu sơ chế, khu đóng gói và trang bị một số thiết bị kèm theo). Viện Công nghệ sinh học sở hữu các trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo khá đầy đủ với 214 hạng mục trang thiết bị khác nhau và dụng cụ lâu bền, được đầu tư trong giai đoạn 2004-2008 và 21 hạng mục được đầu tư năm 2018-2019 (thuộc Dự án “Duy tu, bảo dưỡng và tăng cường trang thiết bị phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ của Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế” đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, tổng kinh phí 36 tỷ đồng triển khai trong giai đoạn 2018-2020). Bên cạnh đó, Viện còn được tỉnh Thừa Thiên Huế và Đại học Huế giao sử dụng 20 ha đất tại xã Hương Thọ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa thiên Huế để làm khu thử nghiệm, khảo nghiệm và sản xuất (đến nay đang trong giai đoạn giải phóng và bàn giao mặt bằng). Tuy nhiên, nhìn chung cơ sở vật chất của Viện còn nhiều hạn chế, chưa xứng tầm là một trung tâm công nghệ sinh học quốc gia tại miền Trung.

Tình trạng cơ sở vật chất của Viện tại *Phụ lục 4*.

### **6. Tình hình hoạt động**

Từ năm 2018 đến nay (Sau khi có quyết định số 523/QĐ-TTg), Viện đã triển khai quyết liệt các mặt xây dựng chính sách, định hướng nghiên cứu lớn mang tầm quốc gia, khu vực, hợp tác trong và ngoài nước, từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất nhằm thực hiện thành công Quyết định 523/QĐ-TTg. Những năm qua, Viện đã triển khai thúc đẩy những chính sách ưu tiên phát triển khoa học công nghệ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Huế như hỗ trợ kinh phí nghiên cứu cho nhóm nghiên cứu mạnh, ưu tiên hỗ trợ kinh phí cho các nghiên cứu ứng dụng có sản phẩm chuyển giao, nâng mức khen thưởng cho các công bố quốc tế uy tín và sở hữu trí tuệ. Hợp tác với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu trong lĩnh vực công nghệ sinh học đã đạt được nhiều kết quả. Hiện nay, Viện đang hợp tác với Sở KH&CN, Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Nam triển khai các quy trình ứng dụng sản xuất, đề tài nghiên cứu ứng dụng; Sở KH&CN tỉnh Thừa Thiên Huế bảo tồn và phát triển nguồn gen, cây giống bản địa cùng nhiều cơ sở giáo dục bậc cao ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

Hiện nay, Viện tổ chức hoạt động 5 Phòng thí nghiệm và 2 Trung tâm nghiên cứu, chú trọng ưu tiên các hướng nghiên cứu cơ bản về công nghệ gen, protein/enzyme, vi sinh, tế bào ứng dụng trong y dược, nông nghiệp, thủy sản với nhiều đề tài khoa học công nghệ các cấp khác nhau được triển khai. Định hướng nghiên cứu ứng dụng đã được Viện triển khai sớm và quyết liệt với hệ thống nhà lưới, nhà màng, nhà sản xuất chế phẩm sinh học và nhà trưng bày sản phẩm khoa học công nghệ. Viện hiện đang đóng một vai trò rất quan trọng, là hạt nhân trong chiến lược xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế thành trung tâm khoa học công nghệ của miền Trung và Tây Nguyên. Từ năm 2019 đến nay, Viện có 4 nhóm nghiên cứu mạnh cấp Đại học Huế trong đó có 2 nhóm đã được cấp kinh phí hoạt động.

**\* Về công tác nghiên cứu khoa học**

**Giai đoạn 2014-2017:** Trong giai đoạn này, Viện đã triển khai và nghiệm thu được nhiều đề tài KH-CN các cấp, bao gồm 2 đề tài cấp Nhà nước, 1 nhiệm vụ quỹ gen cấp Nhà nước, 3 đề tài cấp Bộ, 2 đề tài cấp tỉnh Thừa Thiên Huế và 12 đề tài cấp Đại học Huế, 2 đề tài hợp tác quốc tế (TWAS), 3 đề tài cấp cơ sở. Công bố 12 bài báo trên tạp chí khoa học trong nước; 09 bài báo trên tạp chí khoa học nước ngoài có uy tín đã góp phần nâng cao thương hiệu và vị thế của Viện. Hằng năm, Viện tổ chức Hội thảo khoa học trong nước hoặc quốc tế với sự tham gia của các nhà khoa học về lĩnh vực Công nghệ sinh học từ các đơn vị ở Đại học Huế cũng như các Trường đại học, Viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý trong và ngoài nước.

**Giai đoạn 2018 đến nay:**

Sau khi có QĐ 523/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Viện đã xây dựng chiến lược phát triển khoa học công nghệ phù hợp với mục tiêu đặt ra. Vì vậy, các kết quả đạt được trong nghiên cứu khoa học cao hơn các giai đoạn trước.

- Các nhiệm vụ KH&CN đang thực hiện: 01 dự án sản xuất thử nghiệm cấp quốc gia; 03 đề tài nghiên cứu độc lập cấp quốc gia; 01 chương trình khoa học công nghệ cấp Bộ gồm 07 đề tài; 01 đề tài thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ thuộc Chương trình 562; 02 đề tài thuộc chương trình KH-CN cấp bộ thực hiện từ 2021; 01 đề tài NAFOSTED; 03 Đề tài cấp tỉnh; 07 đề tài cấp Đại học Huế; 04 đề tài cấp cơ sở và 01 Dự án hợp tác quốc tế.

- Các đề tài đang trong giai đoạn hoàn thiện thủ tục bao gồm 02 đề tài cấp quốc gia đã thẩm định tài chính đang chờ, 01 đề tài đang chuẩn bị đấu thầu, 01 đề tài cấp tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Công bố 35 bài báo quốc tế và 75 bài báo/sách ở các tạp chí, hội thảo cùng 3 sáng chế và 01 giải pháp hữu ích, 1 nhãn hiệu hàng hóa.

- Tổ chức thành công nhiều Hội thảo khoa học (04 Hội thảo trong nước, 02 Hội thảo quốc tế), năm 2020 Viện đã đăng cai và tổ chức thành công Hội nghị Công nghệ sinh học toàn quốc với chủ đề: “Công nghệ sinh học: Từ nghiên cứu cơ bản đến ứng dụng phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

**\* Về công tác ươm tạo, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm:** Từ những định hướng về phát triển công nghệ sinh học, trong giai đoạn 2018 – 2020 Viện đã có 05 đăng ký sở hữu trí tuệ; 07 quy trình công nghệ chuyển giao thành công và 07 sản phẩm ứng dụng chuyển giao. Một số sản phẩm KHCN của Viện đã được chuyển giao thành công: Chế phẩm sinh học EM2, EM5; Dung dịch nano bạc xử lý môi trường nước NTTS; Quy trình nuôi trồng và chế biến tảo *Spirulina* quy mô hộ gia đình; Quy trình công nghệ sản xuất giống lươn đồng (*Monopterus albus*) bằng phương pháp bán tự nhiên; Quy trình sản xuất giá thể từ phụ phẩm nông nghiệp; Quy trình trồng dưa lưới bán thủy canh; Quy trình nhân giống và trồng lan Giả hạc.

Trong thời gian vừa qua với sự nỗ lực của cán bộ viên chức và người lao động của Viện cùng với các nhà khoa học trong Đại học Huế đã tạo ra 42 sản phẩm ứng dụng, quy trình khoa học công nghệ để chuyển giao đưa ra thị trường.

**\* Về công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn**

***Xây dựng các chương trình đào tạo tiến sĩ:*** Từ năm 2018 đến nay, Viện được cho phép đào tạo 02 chương trình Tiến sĩ chuyên ngành Sinh học, mã số: 9420101 (năm 2018) và chương trình đào tạo thí điểm trình độ tiến sĩ ngành Nông nghiệp hữu cơ, mã số: 9620125 (năm 2020). Đây là 02 chương trình đào tạo bằng tiếng Anh và tiếng Việt, tuyển sinh nghiên cứu sinh (NCS) trong nước và nước ngoài. Từ tháng 12/2018 tới nay đã tuyển sinh được 07 NCS (05 NCS trong nước và 02 NCS quốc tế) và 01 dự bị tiến sĩ ngành Sinh học.

***Xây dựng chương trình tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn theo nhu cầu xã hội:*** Từ năm 2018 đến nay, Viện mở rộng nhiều chương trình đào tạo ngắn hạn, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn theo nhu cầu xã hội đồng thời hợp tác với các Trường Đại học, Viện và Trung tâm nghiên cứu trong và ngoài nước để đào tạo nhân lực chất lượng cao.

Đến nay Viện đã có 24 nội dung đào tạo ngắn hạn trên các lĩnh vực chính: kỹ thuật sinh học phân tử, nuôi cấy mô tế bào thực vật, miễn dịch học – vắc xin, ứng dụng CNSH trong chăn nuôi, thủy sản và trồng trọt. Viện vẫn đang tiếp tục cập nhật, thiết kế chương trình phù hợp với yêu cầu trong nước cũng như tốc độ thay đổi nhanh chóng trong lĩnh vực CNSH trên thế giới.

### \* Dịch vụ khoa học công nghệ

- Sau khi thành lập phòng thí nghiệm phân tích (2016), các dịch vụ khoa học công nghệ của Viện đa dạng hơn thông qua các dịch vụ phân tích mẫu cho các đơn vị, cá nhân có nhu cầu. Các lĩnh vực chuyên môn cũng phong phú hơn, bao gồm cả phân tích phân tử, hóa sinh, vi sinh, tế bào và miễn dịch...

- Từ năm 2018 đến nay, Viện đã hoàn thiện các cơ chế liên quan đến các dịch vụ khoa học công nghệ, giao quyền tự chủ nhiều hơn cho các phòng thí nghiệm, các phòng thí nghiệm có thể trực tiếp cung cấp các dịch vụ khoa học công nghệ (thông qua sự quản lý của Viện). Nguồn thu từ dịch vụ khoa học công nghệ của Viện đã tăng lên so với giai đoạn trước, góp phần đảm bảo hoạt động ổn định của Viện nói chung và các phòng thí nghiệm nói riêng.

### \* Công tác hợp tác quốc tế

Tổ chức tiếp đón và làm việc với 26 đoàn khách quốc tế đến từ các nước Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc với mục đích thực hiện nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm và chuyên môn, tìm hiểu cơ hội hợp tác, giao lưu văn hóa; triển khai đề tài nghiên cứu hợp tác quốc tế: “Nghiên cứu sản xuất peroxidases từ nấm sợi trên môi trường rơm” với sự tài trợ của tổ chức The Worlds Academy of Sciences (TWAS), UNESCO (2015 – 2017). Tổ chức thành công các Hội thảo quốc tế và tham gia tổ chức Hội thảo quốc tế CNSH Châu Á với Liên đoàn Công nghệ sinh học Châu Á (AFOB) tháng 1 năm 2016. Bên cạnh đó, đơn vị cũng tiếp nhận học bổng hỗ trợ nghiên cứu từ quỹ KURITA, Nhật Bản cho đề tài: “Khử độc tính của một số kháng sinh thường dùng trong thủy sản bằng *Fusarium oxysporum*”. Ký kết với tổ chức International Foundation for Science (IFS), Thụy Điển về triển khai đề tài: “Sản xuất laccase tái tổ hợp và ứng dụng phân hủy thuốc nhuộm tổng hợp”.

## 7. Đánh giá kết quả hoạt động

Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế được thành lập theo Quyết định số 808/QĐ-ĐHH ngày 29/4/2014 của Giám đốc Đại học Huế và được tái cấu trúc trên cơ sở hợp nhất 02 đơn vị (Viện Công nghệ sinh học và Trung tâm Ươm tạo & Chuyển giao công nghệ) theo Quyết định số 808/QĐ-ĐHH ngày 02/8/2017 của Giám đốc Đại học Huế, lúc đó Viện là đơn vị trực thuộc Đại học Huế. Ngày 14/5/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 523/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án phát triển Viện công nghệ sinh học, Đại học Huế với mục tiêu là phát triển Viện thành một trung tâm công nghệ sinh học cấp quốc gia tại miền Trung. Ngay sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Đại học Huế đã sớm triển khai thực hiện Đề án về mặt tổ chức, nhân sự, hạ tầng, cơ sở vật chất...; đồng thời Đại học Huế cũng đã tích cực làm việc để tranh thủ sự hỗ

trợ của tỉnh Thừa Thiên Huế, Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN đối với Viện Công nghệ sinh học. Đặc biệt, chủ trương phát triển Viện Công nghệ sinh học đã được đưa vào trong văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế, như là một thiết chế khoa học công nghệ quan trọng của địa phương.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, Giám đốc Đại học Huế đã ban hành Quyết định số 939/QĐ-ĐHH về việc tổ chức lại Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế đưa Viện từ đơn vị trực thuộc trở thành đơn vị thành viên của Đại học Huế. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám đốc Đại học Huế; tập thể lãnh đạo Viện cùng toàn thể VC-LĐ đã nhanh chóng xây dựng đề án và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy, nhân sự. Ngoài các đơn vị hiện có, hiện nay Viện đang xây dựng đề án thành lập Phòng thí nghiệm Tin sinh học; Phòng thí nghiệm hoạt chất sinh học và công nghệ hóa sinh; Phòng thí nghiệm sinh học biển; Khu nhà kính và nhà lưới; Khu sản xuất chế phẩm sinh học đưa vào kế hoạch xây dựng và hoàn thiện giai đoạn 2021 – 2025.

Năm 2018, Viện được đầu tư duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất – kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động khoa học cũng như mua mới bổ sung các trang thiết bị phục vụ các phòng thí nghiệm của Viện, tăng năng lực nghiên cứu của đội ngũ cán bộ. Bên cạnh đó, được sự nhất trí của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về chủ trương giao đất xây dựng và phát triển Viện Công nghệ sinh học. Đại học Huế có Quyết định 1312/QĐ-ĐHH ngày 09 tháng 10 năm 2018 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình khu ươm tạo của Viện công nghệ sinh học, Đại học Huế với tổng kinh phí đầu tư là 14.900.000.000 đồng từ nguồn thu hợp pháp của Đại học Huế trên diện tích 20 ha tại xã Hương Thọ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế với các hạng mục đền bù, giải phóng mặt bằng, san nền, xây dựng hàng rào, đường nội bộ và xây dựng khu ươm tạo, đến nay đã hoàn thành giai đoạn 1.

Kể từ khi có Quyết định 523/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, hoạt động khoa học công nghệ của Viện có bước tiến đáng kể, số lượng đề tài, chương trình, dự án; công bố khoa học tăng mạnh so với giai đoạn trước, cụ thể:

- Giai đoạn 2014-2017, Viện là đơn vị chủ trì 02 đề tài cấp Bộ, 01 dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ, 02 đề tài cấp tỉnh, 07 đề tài cấp Đại học Huế và 03 đề tài cấp Viện. Tham gia xuất bản được 20 bài báo quốc tế, 28 bài báo trong nước, công bố 02 trình tự nucleotide trên ngân hàng Gen (GenBank), xuất bản 03 giáo trình và 01 sách chuyên khảo.

- Giai đoạn 2018 đến nay: Viện chủ trì thực hiện 01 dự án sản xuất thử nghiệm cấp quốc gia; 03 đề tài nghiên cứu độc lập cấp quốc gia; 01 chương trình khoa học công nghệ cấp Bộ gồm 07 đề tài; 01 đề tài thuộc Chương trình

KH&CN cấp Bộ thuộc Chương trình 562; 02 đề tài thuộc chương trình KH&CN cấp bộ thực hiện từ 2021; 01 đề tài NAFOSTED; 03 đề tài cấp tỉnh; 07 Đề tài cấp Đại học Huế; 04 đề tài cấp cơ sở và 01 Dự án hợp tác quốc tế. Ngoài ra, có 02 đề tài cấp quốc gia, 01 đề tài cấp tỉnh Thừa Thiên Huế đang trong giai đoạn hoàn thiện thủ tục. Công bố 35 bài báo quốc tế và 75 bài báo/sách ở các tạp chí, hội thảo cùng 3 sáng chế và 01 giải pháp hữu ích, 01 nhãn hiệu hàng hóa.

Ngoài những kết quả vượt bậc về khoa học công nghệ, công tác đào tạo của Viện cũng tạo được bước phát triển mạnh mẽ; trong năm 2018 và 2020, Viện đã mở được 02 chương trình đào tạo Tiến sĩ (ngành Sinh học và ngành Nông nghiệp hữu cơ), tuyển sinh được 07 nghiên cứu sinh và 01 dự bị tiến sĩ.

Trong giai đoạn đầu mới thành lập, tình hình tài chính của Viện gặp nhiều khó khăn. Nguồn thu chủ yếu của Viện gồm: NSNN cấp chi thường xuyên và chi không thường xuyên (chiếm 30% tổng nguồn thu); nguồn thu sự nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, thu khác (chiếm 70% tổng nguồn thu). Nguồn thu không đủ chi trả các chi phí hành chính. Số công nợ phát sinh từ giai đoạn mới thành lập của Đại học Huế và Trung tâm Ươm tạo và CGCN chưa bố trí được nguồn trả. Vào giai đoạn 2018-2020, nguồn thu chủ yếu gồm: NSNN cấp chi thường xuyên và chi không thường xuyên (chiếm 53% tổng nguồn thu); nguồn thu sự nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, thu khác (chiếm 46% tổng nguồn thu). Giai đoạn này Viện đã triển khai nhiều chương trình, đề tài các cấp, hoạt động dịch vụ tăng tạo thêm nguồn thu đáng kể cho Viện.

#### Tình hình tài chính của Viện giai đoạn 2018 - 2020

TT	Nội dung	Tổng số	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
<b>I</b>	<b>Tổng thu sự nghiệp, hoạt động SXKD dịch vụ, khác</b>	<b>9.615</b>	<b>2.407</b>	<b>3.392</b>	<b>3.816</b>
1	Thu phí, lệ phí được để lại	-			
2	Thu hoạt động SXKD dịch vụ, khác	<b>9.615</b>	2.407	3.392	3.816
<b>II</b>	<b>Ngân sách nhà nước cấp</b>	<b>10.886</b>	<b>4.350</b>	<b>4.921</b>	<b>1.615</b>
1	Dự toán chi thường xuyên	<b>3.086</b>	850	901	1.335
2	Dự toán chi không thường xuyên	<b>7.800</b>	3.500	4.020	280
<b>III</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>20.501</b>	<b>6.757</b>	<b>8.313</b>	<b>5.431</b>

Đánh giá chung: Kể từ khi thành lập Viện đã có nhiều cố gắng và đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, hiệu quả đạt được của một số nhiệm vụ chưa cao do thiếu nguồn lực tạo đột phá, cơ sở vật chất bị xuống cấp, thời

gian triển khai chưa lâu nên nhiều nhiệm vụ có tính lâu dài chưa thực hiện; đội ngũ cán bộ cơ hữu của Viện chưa đáp ứng được mục tiêu phát triển, chưa có sự phát triển đột phá vì thiếu các cơ chế thu hút đội ngũ các nhà khoa học chuyên sâu, trình độ cao đến làm việc; kinh phí được cấp hàng năm còn eo hẹp chưa tương xứng với quy mô, tầm vóc và nhu cầu phát triển của Viện, đa số các phòng thí nghiệm đều phải chủ động nguồn lương đối với các hợp đồng lao động của đơn vị.

## Phần 3

### VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC SAU KHI SÁP NHẬP

#### I. Mục tiêu và nguyên tắc sáp nhập

##### 1. Mục tiêu

Mục tiêu sáp nhập Viện Tài nguyên và Môi trường vào Viện Công nghệ sinh học nhằm xây dựng cơ cấu tổ chức các đơn vị trực thuộc Đại học Huế theo hướng tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, hướng đến tự chủ; đảm bảo liên thông trong chức năng nhiệm vụ; phát huy năng lực đội ngũ viên chức và người lao động; sử dụng có hiệu quả tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có.

##### 2. Nguyên tắc sáp nhập

- Phù hợp với định hướng phát triển chung của Đại học Huế và đặc biệt phù hợp với chủ trương phát triển Đại học Huế thành Đại học Quốc gia.

- Nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý cũng như trong hiệu quả kinh tế, lấy chất lượng làm yếu tố then chốt, lấy phát triển làm mục tiêu trong mọi hoạt động của Viện.

- Đảm bảo tính đồng bộ trong các hoạt động của Viện Công nghệ sinh học và Viện Tài nguyên và Môi trường, có sự đồng thuận và phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận, đơn vị chức năng trong Viện.

- Phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của 2 đơn vị và của Đại học Huế, tránh trường hợp sáp nhập theo hướng lắp ghép một cách cơ học, thiếu cơ sở khoa học và phân tích dự báo.

#### II. Tên gọi, vị trí và trụ sở làm việc

##### 1. Tên gọi

- Tên giao dịch bằng tiếng Việt: Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Institute of Biotechnology, Hue University (viết tắt: HUIB)

##### 2. Vị trí

Viện Công nghệ sinh học là đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 Chính phủ. Viện là viện nghiên cứu thành viên của Đại học Huế, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

##### 3. Trụ sở làm việc

- Cơ sở 1: Tỉnh lộ 10, phường Phú Thượng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Cơ sở 2: Xã Hương Thọ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.



### III. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi

#### 1. Sứ mạng

Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế có sứ mạng nghiên cứu khoa học, đào tạo và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học và khoa học môi trường đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cho miền Trung, Tây Nguyên và cả nước theo hướng hội nhập khu vực và quốc tế.

#### 2. Tầm nhìn

Năm 2025, Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế là một trung tâm công nghệ sinh học cấp quốc gia tại miền Trung có cơ sở vật chất hiện đại, đồng bộ, nhân lực đủ khả năng tiếp thu, làm chủ, tiến tới sáng tạo các công nghệ nền của công nghệ sinh học, công nghệ trong lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên, khoa học môi trường và biến đổi khí hậu hàng đầu Việt Nam, có khả năng giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội.

#### 3. Giá trị cốt lõi

**“Sáng tạo – Phát triển – Phục vụ”**

### IV. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

#### 1. Chức năng

Nghiên cứu khoa học cơ bản và ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ sinh học, phát triển các công nghệ nền và ứng dụng công nghệ nền để tạo ra các sản phẩm khoa học có giá trị đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội; ương tạo và chuyển giao công nghệ theo nhu cầu xã hội; thương mại hóa sản phẩm; nghiên cứu và cung ứng những dịch vụ tư vấn chất lượng cao đối với các lĩnh vực bảo tồn tài nguyên, quản lý môi trường và biến đổi khí hậu; đào tạo và liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ về sinh học, công nghệ sinh học, khoa học môi trường và các lĩnh vực liên quan với các đơn vị trong và ngoài Đại học Huế để cung cấp nguồn nhân lực công nghệ cao cho xã hội.

#### 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

- Nghiên cứu cơ bản về khoa học sự sống.
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ nền về công nghệ sinh học trong y dược, sinh học biển, nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến và môi trường.
- Nghiên cứu và chuyển giao quy trình công nghệ thuộc lĩnh vực khoa học môi trường, quản lý và phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và biến đổi khí hậu.
- Phân tích, thử nghiệm và đánh giá an toàn sinh học về GMO, sản phẩm hàng hóa từ GMO trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật mới về đa dạng sinh học và an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen.

- Đào tạo cán bộ khoa học công nghệ (sau đại học, đào tạo lại về công nghệ sinh học) và được phân chỉ tiêu đào tạo; tổ chức đào tạo, tập huấn khóa ngắn hạn theo nhu cầu và chương trình quốc gia về các lĩnh vực khoa học, quản lý, công nghệ môi trường, quản lý bền vững tài nguyên rừng và đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu.

- Khai thác và phát triển nguồn gen quý hiếm động và thực vật ở miền Trung vào phát triển nông lâm ngư nghiệp và cây thuốc Việt Nam.

- Xây dựng và chuyển giao các mô hình CNSH công nghiệp ở miền Trung nhất là trong thủy sản và chế biến nông sản.

- Tổ chức và phát triển các mối quan hệ hợp tác với các nước trong cộng đồng châu Á về CNSH và kết hợp công nghệ vật liệu mới, công nghệ thông tin để hướng đến tự động hóa các mô hình sản xuất công nghệ cao ứng dụng vào nông nghiệp, công nghiệp chế biến và bảo vệ môi trường.

- Thực hiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, sản xuất, kinh doanh trong phạm vi chức năng được giao và theo quy định của pháp luật; hoạt động tư vấn khoa học, cung cấp dịch vụ hợp tác, hỗ trợ khoa học công nghệ với các đối tác, tổ chức chính phủ (GOs) và phi chính phủ (NGOs), trong và ngoài nước để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ khoa học công nghệ và chuyển giao tri thức định hướng các lĩnh vực tài nguyên và môi trường, khoa học quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và biến đổi khí hậu.

## **V. Cơ cấu tổ chức và nhân sự**

### **1. Cơ cấu tổ chức**

- Viện trưởng và các Phó Viện trưởng (không quá 02 Phó Viện trưởng);

- Hội đồng khoa học và đào tạo; các hội đồng tư vấn khác (nếu có);

- Đơn vị trực thuộc: Viện Tài nguyên và Môi trường;

- Đơn vị thuộc:

+ Các phòng chức năng: Hành chính - Tổng hợp; Khoa học, Đào tạo và Hợp tác phát triển;

+ Các phòng thí nghiệm: Công nghệ Gen; Vi sinh vật học và Công nghệ lên men; Tế bào; Miễn dịch học và vaccine; Công nghệ enzyme và protein;

+ Bộ môn: Sinh học và Công nghệ sinh học ứng dụng;

+ Các trung tâm: Chăm sóc và Chữa trị vật nuôi; Nghiên cứu và Ứng dụng kỹ thuật Y sinh tiên tiến.

\* Như vậy sau khi sáp nhập Viện Tài nguyên và Môi trường là đơn vị trực thuộc Viện Công nghệ sinh học hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, được phép sử dụng con dấu và tài khoản riêng trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ

theo chiến lược phát triển của Viện Công nghệ sinh học; có chế độ báo cáo Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học theo quy định.

Giải thể 01 phòng chức năng, 03 bộ môn và 01 trung tâm thuộc Viện Tài nguyên và Môi trường, gồm: Phòng Tổ chức - Hành chính; Bộ môn Quản lý môi trường và Biến đổi khí hậu; Bộ môn Công nghệ Môi trường; Bộ môn Tin học Môi trường; Trung tâm Quan trắc và Phân tích Môi trường.

## **2. Nhân sự**

Thực hiện điều chuyển 10 viên chức và 12 lao động hợp đồng của Viện Tài nguyên và Môi trường đến nhận nhiệm vụ tại Viện Công nghệ sinh học trên nguyên tắc Viện Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Viện Công nghệ sinh học và để thực hiện nhiệm vụ trong Quyết định 523/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Viện Tài nguyên và Môi trường chỉ thực hiện công tác chuyên môn, công tác hành chính và hỗ trợ phục vụ tập trung tại 2 phòng chức năng của Viện Công nghệ sinh học.

Như vậy, sau khi sáp nhập, Viện Công nghệ sinh học có 53 người, trong đó có 25 viên chức và 28 lao động hợp đồng, được phân bổ về từng đơn vị trực thuộc (*Phụ lục 5*).

Trong thời gian tới, trên cơ sở xác định lại vị trí việc làm của Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế. Viện sẽ thực hiện công tác rà soát, đánh giá hiệu quả công việc theo từng vị trí việc làm, xây dựng và phát triển đội ngũ phù hợp với nhu cầu phát triển của Viện theo Quyết định 523/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ và của Đại học Huế.

## **VI. Tài sản, tài chính**

### **1. Tài sản**

Sau khi kiểm kê sẽ chuyển giao cơ sở vật chất, trang thiết bị của Viện Tài nguyên và Môi trường về Viện Công nghệ sinh học để tiếp tục quản lý, sử dụng phục vụ cho hoạt động của Viện theo quy định.

Trụ sở làm việc của Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế tại tỉnh lộ 10, phường Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế chưa được xây dựng bổ sung các tòa nhà làm việc đủ theo yêu cầu khi sáp nhập Viện Tài nguyên và Môi trường nên trước mắt kiến nghị Đại học Huế cho phép Viện được sử dụng trụ sở làm việc tại số 07 đường Hà Nội, thành phố Huế làm nơi làm việc của Viện Tài nguyên và Môi trường, Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế.

Giai đoạn 1, thực hiện dự án đầu tư xây dựng Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế tại xã Hương Thọ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế với tổng mức đầu tư 38,5 tỷ đồng nhằm xây dựng nhà điều hành và phòng làm việc; sân vườn, đường nội bộ, hệ thống điện, cấp thoát nước với mục tiêu phát triển Viện

Công nghệ sinh học Đại học Huế thành trung tâm công nghệ sinh học cấp quốc gia tại miền Trung với cơ sở vật chất hiện đại.

Được phép sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dùng chung trong phạm vi Đại học Huế để phục vụ cho hoạt động chuyên môn của Viện.

## **2. Tài chính**

Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế là đơn vị dự toán cấp 3 trực thuộc Đại học Huế, hạch toán độc lập, có con dấu, tài khoản riêng. Trước mắt thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên theo Quyết định số 2466/QĐ-BGDĐT ngày 27/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Viện sẽ xây dựng phương án tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định hiện hành trình Đại học Huế thẩm định và phê duyệt. Hàng năm, Viện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động và kế hoạch ngân sách trình Đại học Huế phê duyệt. Viện xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ để quản lý điều hành tất cả mọi hoạt động tài chính phát sinh.

Viện Tài nguyên và Môi trường bàn giao phần kinh phí ngân sách nhà nước, Viện Công nghệ sinh học Đại học Huế (trước khi sáp nhập) bàn giao toàn bộ kinh phí cho Viện Công nghệ sinh học Đại học Huế (sau khi sáp nhập) để quản lý và sử dụng.

Viện Tài nguyên và Môi trường báo cáo tình hình kinh phí từ nguồn thu sự nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và thu khác để Viện Công nghệ sinh học Đại học Huế (sau khi sáp nhập) quản lý. Viện Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Viện Công nghệ sinh học, có con dấu và tài khoản riêng, được tự chủ tài chính và hạch toán độc lập, có trách nhiệm nộp điều tiết kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chung tại Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế.

Các trung tâm trực thuộc Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế tùy thuộc vào mô hình hoạt động và phân cấp quản lý, có thể hạch toán độc lập hoặc hạch toán phụ thuộc theo đúng quy định.

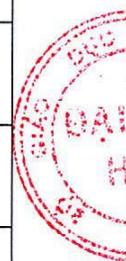
Phần đầu trong vòng 5 năm giai đoạn từ 2021-2025: ổn định tình hình tài chính, từng bước cân đối được thu chi trong năm. Giai đoạn từ năm 2024 trở đi nguồn thu của Viện tăng từ 10-18%/năm, đến năm 2025 tổng nguồn thu của Viện đạt 44.770 triệu đồng, có tích lũy, trích lập và bổ sung các quỹ tăng 5-10%/năm.

Tăng cường nguồn thu từ hoạt động khoa học công nghệ, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí, khai thác triệt để các nguồn lực, xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu của cán bộ và người học.

Thực hành tiết kiệm, từng bước ổn định thu nhập và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho viên chức, người lao động.

Dự toán thu của Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế giai đoạn 2021 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Tổng thu sự nghiệp, hoạt động SXKD dịch vụ, khác</b>	<b>27.109</b>	<b>8.734</b>	<b>9.825</b>	<b>11.300</b>	<b>13.005</b>	<b>14.770</b>	
1	Thu phí, lệ phí được để lại	1.200	25	125	250	350	450	
2	Thu hoạt động SXKD dịch vụ, khác	25.909	8.709	9.700	11.050	12.655	14.320	
<b>II</b>	<b>Ngân sách nhà nước cấp</b>	<b>97.320</b>	<b>6.120</b>	<b>18.000</b>	<b>21.300</b>	<b>24.650</b>	<b>30.000</b>	
1	Dự toán chi thường xuyên	18.900	3.700	4.000	4.300	4.650	5.000	
2	Dự toán chi không thường xuyên	78.420	2.420	14.000	17.000	20.000	25.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>124.429</b>	<b>14.854</b>	<b>27.825</b>	<b>32.600</b>	<b>37.655</b>	<b>44.770</b>	



**Phần 4****ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN****I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG****1. Tác động tích cực**

Việc sáp nhập Viện TN&MT vào Viện CNSH có thể đem lại một số tác động tích cực cho Đại học Huế và bản thân Viện; trong một số trường hợp, để phát huy được yếu tố tích cực, cần phải quan tâm các biện pháp để nhằm tạo điều kiện và thúc đẩy.

Tác động tích cực của việc sáp nhập Viện TN&MT vào Viện CNSH

<b>Tác động</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Điều kiện để phát huy yếu tố tích cực</b>
Tinh giản tổ chức bộ máy và nhân sự	Giảm được đầu mỗi quản lý (giảm 1 đơn vị trực thuộc Đại học Huế, giảm một số phòng chức năng thuộc Viện), giảm số viên chức quản lý và tiến đến sẽ giảm số lượng viên chức, người lao động (so với tổng số hiện có của 2 Viện)	Sớm sắp xếp, tổ chức lại các phòng chức năng, các đơn vị chuyên môn của 2 Viện.
Tăng hiệu quả sử dụng các nguồn lực	Các tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm, khu thực hành hiện có của mỗi Viện sẽ được sử dụng chung, đáp ứng được một số nhu cầu mà lâu nay mỗi Viện phải tìm kiếm hỗ trợ từ nguồn khác. Số lượng và năng lực nghiệp vụ của đội ngũ hành chính sẽ được kết hợp, tăng cường; con người và thế mạnh chuyên môn của đội ngũ nghiên cứu từ mỗi bên sẽ được sử dụng hiệu quả hơn, bổ trợ cho nhau trong thực hiện các nhiệm vụ KH&CN	Sớm hoàn thiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản, cơ sở vật chất của Viện; rà soát, tổ chức lại các Phòng thí nghiệm, khu thực hành... Có sự phân công phù hợp năng lực nghiệp vụ cho đội ngũ hành chính; có lộ trình đào tạo bổ trợ về chuyên môn cho một bộ phận đội ngũ ở mỗi Viện; điều chỉnh bổ sung thành viên tham gia của các nhiệm vụ

	(ví dụ, các tiến sĩ, thạc sĩ về kỹ thuật môi trường từ Viện Tài nguyên và Môi trường sẽ hỗ trợ tốt cho các đề tài, dự án CNSH có thí nghiệm trên đối tượng môi trường; ngược lại các các tiến sĩ, thạc sĩ về sinh học phân tử sẽ hỗ trợ tốt cho các đề tài, dự án về tài nguyên đa dạng sinh học, về kỹ thuật môi trường).	KH&CN, các dự án đang có, đặc biệt hướng đến xây dựng các nhiệm vụ, dự án KH&CN có tính liên ngành.
Cơ hội hình thành hướng nghiên cứu mới, liên ngành.	Như đã nêu ở trên, việc khai thác thế mạnh chuyên môn của mỗi Viện (cũ) có thể hình thành các hướng nghiên cứu mới có tính liên ngành, bên cạnh các hướng truyền thống của mỗi bên. Ví dụ: - Ứng dụng chế phẩm vi sinh trong phục hồi hệ sinh thái đất cát ven biển, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu; - Ứng dụng chế phẩm vi sinh trong xử lý chất thải nhằm tối đa hóa thu hồi dinh dưỡng và giảm phát thải khí nhà kính; - Xây dựng CSDL nguồn gen hỗ trợ bảo tồn tài nguyên động, thực vật;....	Trong giai đoạn đầu sau sáp nhập, cần tăng cường các seminar học thuật để chia sẻ kiến thức và tìm kiếm các ý tưởng; Xây dựng các đề xuất nhiệm vụ KH&CN của Viện có tính liên ngành; Mở rộng sự tham gia của cán bộ khoa học ở bên chuyên môn kia vào các đề tài, dự án của bên chuyên môn này đang triển khai thực hiện ở giai đoạn chuyển tiếp sau sáp nhập.
Quy mô, vị thế của Viện sau sáp nhập được nâng lên	Với quy mô đội ngũ đông hơn, cơ sở vật chất được tăng cường hơn, quy mô tài chính lớn hơn, lĩnh vực chuyên môn đa dạng hơn, mối quan hệ rộng hơn,... vị thế của Viện sau sáp nhập trong các quan hệ với đối tác sẽ được nâng cao lên.	Cần có sự hội nhập thực sự về tổ chức, nguồn lực và nhất là sự thống nhất về tư tưởng, ý chí và sự lãnh đạo.

## 2. Dự báo rủi ro

Việc sáp nhập Viện Tài nguyên và Môi trường vào Viện Công nghệ sinh học cũng được dự báo sẽ mang lại một số rủi ro, nếu không kiểm soát tốt sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Viện Công nghệ sinh học sau khi sáp nhập.

- Sự phát triển của Viện sau sáp nhập nói chung, của từng mảng chuyên môn nói riêng bị chững lại, thậm chí giảm sút, lý do:

+ Viên chức, người lao động còn tâm lý lo lắng, chưa ổn định;

+ Kế hoạch phát triển trung hạn và của năm 2021 đã xây dựng và triển khai chưa kịp thay đổi, điều chỉnh;

+ Việc phối hợp quản lý, điều hành của Ban lãnh đạo Viện chưa bắt kịp với cơ cấu tổ chức và quy mô mới;

+ Các vấn đề nảy sinh về tổ chức bộ máy, con người, tài sản, cơ sở vật chất, tài chính, thủ tục hành chính... sau khi sáp nhập phải mất một thời gian mới được xử lý dứt điểm;

- Trục trặc trong quá trình điều hành, quản lý Viện trong thời gian đầu mới sáp nhập.

- Viện Tài nguyên và Môi trường gặp khó khăn với đối tác về vị trí pháp lý, về danh xưng.

## 3. Giải pháp để giảm thiểu rủi ro

- Thực hiện tốt công tác tư tưởng cho viên chức, người lao động, nhất là chuẩn bị kỹ đề án và lộ trình, xây dựng rõ kịch bản sau sáp nhập để viên chức, người lao động hiểu, từ đó giảm thiểu sự bất an, lo lắng.

- Đại học Huế sẽ có sự hỗ trợ, tháo gỡ đối với các vướng mắc, vấn đề nảy sinh ở thời kỳ đầu sáp nhập (giai đoạn chuyển tiếp).

- Viện chủ động thông báo và giải thích với các đối tác đang có và thống nhất cách giới thiệu với các đối tác mới.

## II. Tổ chức thực hiện

### 1. Kế hoạch thực hiện

- Tháng 6-7/2021: Ban xây dựng Đề án hoàn thiện Đề án, báo cáo Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Hội đồng và Giám đốc Đại học Huế; tổ chức lấy ý kiến trong toàn thể viên chức, người lao động của Viện Tài nguyên và Môi trường và Viện Công nghệ sinh học; trình Đảng uỷ, Hội đồng Đại học Huế thông qua.

- Tháng 8/2021: Hoàn thiện Đề án sau khi có ý kiến của Đảng uỷ, Hội đồng Đại học Huế; ban hành nghị quyết phê duyệt Đề án và sáp nhập Viện Tài nguyên và Môi trường vào Viện Công nghệ sinh học. Điều chuyển viên chức, lao động hợp đồng của Viện Tài nguyên và Môi trường đến công tác tại Viện Công nghệ sinh học.

- Tháng 9-10/2021: Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ sinh học; thành lập các đơn vị trực thuộc và thuộc Viện; bổ nhiệm lãnh đạo Viện, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và thuộc Viện (nếu có).

## **2. Trách nhiệm thực hiện**

### **a) Đại học Huế**

Văn phòng, Văn phòng Đảng - Đoàn thể, các Ban chức năng của Đại học Huế tư vấn, hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ cho Viện Công nghệ sinh học các hoạt động liên quan.

### **b) Viện Tài nguyên và Môi trường và Viện Công nghệ sinh học (trước khi sáp nhập)**

- Phổ biến cho viên chức, người lao động về chủ trương sáp nhập của Đại học Huế, tạo sự đồng thuận cao trong viên chức và người lao động của các đơn vị.

- Phối hợp có hiệu quả với Ban xây dựng Đề án trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Đề án.

### **c) Viện Công nghệ sinh học (sau khi sáp nhập)**

- Bố trí, sắp xếp công việc cho đội ngũ viên chức, người lao động hợp lý, khoa học.

- Chủ động xây dựng kế hoạch, đề xuất cấp có thẩm quyền để thực hiện đúng tiến độ các nội dung công việc theo kế hoạch trong Đề án này.

- Củng cố, tăng cường sự đoàn kết, nhất trí trong đội ngũ viên chức, người lao động của Viện; phát huy trí tuệ của tập thể, hoàn thành tốt các mục tiêu đã đề ra.

**Phần 5**  
**KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**I. KẾT LUẬN**

Trong suốt chặng đường gần 65 năm hình thành và phát triển, Đại học Huế đã không ngừng phấn đấu, phát triển về mọi mặt, trở thành cái nôi nuôi dưỡng trí tuệ và tài năng, một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao và trung tâm nghiên cứu khoa học lớn của cả nước. Trong đó, Viện Tài nguyên và Môi trường và Viện Công nghệ sinh học có vai trò, vị trí rất quan trọng trong việc góp phần nâng cao chất lượng hoạt động khoa học và công nghệ của Đại học Huế với chức năng nghiên cứu khoa học, đào tạo và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học và khoa học môi trường. Để tăng cường và đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ, giảm đầu mỗi quản lý, xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cho miền Trung, Tây Nguyên và cả nước theo hướng hội nhập khu vực và quốc tế, việc sáp nhập Viện Tài nguyên và Môi trường vào Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế là hết sức cần thiết, phù hợp với chủ trương tái cấu trúc của Đại học Huế theo lộ trình xây dựng Đại học Huế thành Đại học Quốc gia Huế.

**II. KIẾN NGHỊ**

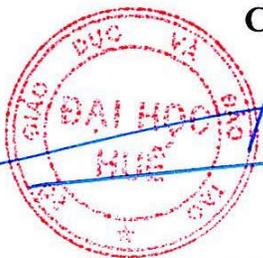
Kính đề nghị Giám đốc Đại học Huế, Hội đồng Đại học Huế xem xét, phê duyệt Đề án sáp nhập Viện Tài nguyên và Môi trường - Đại học Huế vào Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế nhằm sớm ổn định tổ chức bộ máy và để đơn vị chính thức đi vào hoạt động./.

**TRƯỞNG BAN SOẠN THẢO ĐỀ ÁN**

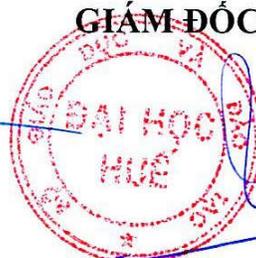
  
**Đỗ Thị Xuân Dung**

**PHÊ DUYỆT  
CỦA HỘI ĐỒNG ĐẠI HỌC HUẾ  
TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**

**GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ**



**Huỳnh Văn Chương**



**Nguyễn Quang Linh**